

Số: /BC-TANDTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

(dự thảo 1)

**BÁO CÁO**  
**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  
**Dự án Pháp lệnh về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài,**  
**chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản,**  
**chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch**

Kính trình: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Tòa án nhân dân tối cao xin báo cáo đánh giá tác động của chính sách về Dự án Pháp lệnh về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch (sau đây gọi tắt là Dự án Pháp lệnh), cụ thể như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN**

**1.1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

**1.1.1. Thực trạng pháp luật về chi phí tố tụng**

Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, các chi phí tố tụng được quy định tại mục 2 Chương IX của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (từ Điều 151 đến Điều 169), mục 2 Chương XXII của Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (từ Điều 352 đến Điều 370) gồm: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch.

Theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính thì Tòa án tạm tính tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ<sup>1</sup>; người giám định tạm tính tiền tạm ứng chi phí giám định<sup>2</sup>; Hội đồng định giá tạm tính tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản<sup>3</sup>. Các Bộ luật, Luật này chưa quy định căn cứ để xác định tiền tạm ứng chi phí tố tụng, căn cứ để xác định chi phí tố tụng mà chỉ mới xác định chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản là số tiền cần thiết và hợp lý phải chi trả cho việc thực hiện ủy thác tư pháp, xem xét, thẩm định tại chỗ, giám định, định giá tài sản căn cứ vào quy định của

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 151, khoản 1 Điều 155 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 159 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

<sup>3</sup> Khoản 1 Điều 163 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

pháp luật<sup>4</sup>; chi phí cho người làm chứng gồm chi phí hợp lý và thực tế cho người làm chứng<sup>5</sup>; chi phí cho người phiên dịch thì theo sự thỏa thuận của đương sự với người phiên dịch hoặc theo quy định của pháp luật<sup>6</sup>. Ngoài ra, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính còn quy định chủ thể có nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, chủ thể có nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và việc xử lý tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp.

### ***1.1.2. Thực trạng áp dụng pháp luật về chi phí tố tụng***

a) Về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, ngoài các quy định nguyên tắc được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính thì căn cứ xác định mức tiền tạm ứng chi phí tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng; trình tự, thủ tục thu nộp chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp; trình tự chuyển và thanh toán tạm ứng chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp... đã được quy định chi tiết tại Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC, Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-BTP-BNG-TANDTC. Hiện nay, vẫn có một số vướng mắc về trình tự, thủ tục, mức phí, cách thu phí đối với một số nước là thành viên của Công ước tổng đạt giấy tờ và Công ước thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại và pháp luật chưa quy định về chủ thể có nghĩa vụ nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài để tổng đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng các chi phí tố tụng khác, thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, tổng đạt quyết định đình chỉ giải quyết vụ án... trong trường hợp người nước ngoài, người Việt Nam định cư tại nước ngoài mà tại thời điểm nộp đơn họ đang ở nước ngoài hoặc đơn yêu cầu được gửi qua đường bưu chính và họ không có người đại diện tại Việt Nam.

b) Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, Tòa án là cơ quan dự tính tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thực hiện thu, chi tiền tạm ứng và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do chưa có quy định cụ thể nên thực tiễn áp dụng không thống nhất về mức thu, mức chi, Tòa án lúng túng trong việc dự tính tiền tạm ứng, từ đó dẫn đến một số trường hợp đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan có ý kiến hoặc có khiếu nại.

c) Về chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch được thực hiện theo Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 và các văn bản pháp luật liên quan nhưng Pháp lệnh này được ban hành trước khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực nên một số quy định không thống nhất.

Về chi phí giám định, một số địa phương, cơ quan giám định, giám định viên không thông báo số tiền tạm ứng chi phí giám định mà Tòa án tự dự tính và yêu cầu đương sự nộp, sau khi có kết quả thì cơ quan giám định, người giám định mới thông báo số tiền chi phí giám định. Chi phí giám định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 UBTVQH13 mới chỉ tính đến chi phí cần cho việc thực hiện giám định, chưa bao quát hết các chi phí về giám định tư

<sup>4</sup> Các điều 151, 155, 159, 163 của Bộ luật Tố tụng dân sự

<sup>5</sup> Điều 167 của Bộ luật Tố tụng dân sự

<sup>6</sup> Điều 168 của Bộ luật Tố tụng dân sự

pháp trong hoạt động tố tụng nên một số chi phí khác phát sinh trong hoạt động giám định như chi phí bảo quản, vận chuyển đối tượng giám định từ cơ quan trung cầu đến cá nhân, tổ chức được trung cầu, thực hiện giám định hoặc chi phí cần thiết cho người giám định tham gia tố tụng theo triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng có thẩm quyền, nhất là chi phí đi lại, ăn ở, lưu trú... cho người giám định tham dự phiên tòa chưa được tính đến, đã gây nhiều khó khăn, vướng mắc cho cả cơ quan tiến hành tố tụng và cá nhân, tổ chức thực hiện giám định, ảnh hưởng đến hoạt động tố tụng.

Về chi phí định giá tài sản, Hội đồng định giá không dự tính số tiền tạm ứng chi phí định giá, không thông báo cho Tòa án về tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản để Tòa án thông báo cho đương sự nộp, không tính chi phí định giá, thanh toán chi phí định giá mà đều do Tòa án thực hiện. Thủ tục thu nộp tiền tạm ứng, thanh toán chi phí định giá tài sản còn rườm rà; mức chi cho thành viên Hội đồng định giá dao động từ 50.000đ – 300.000đ/người/ngày (tùy từng địa phương), mức chi cho Hội đồng định giá chưa được quy định cụ thể nên thực tế áp dụng không thống nhất dẫn đến một số trường hợp thành viên Hội đồng định giá có ý kiến.

Về chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, Tòa án thực hiện theo Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg, mức chi cho người làm chứng là 50.000đ/người/ngày là thấp so với thu nhập thực tế; đối với chi phí cho người phiên dịch, có Tòa án căn cứ theo hợp đồng phiên dịch để thanh toán, có Tòa án không chỉ định người phiên dịch và không thực hiện thu chi phí này, trường hợp vụ án cần triệu tập người phiên dịch thì đều do đương sự liên hệ, được Tòa án chấp nhận và thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên. Một số Tòa án rất ít trường hợp thanh toán chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch do họ không biết quyền được thanh toán hoặc không đề nghị thanh toán do hồ sơ thanh toán đòi hỏi nhiều giấy tờ, có thể phải đi lại nhiều lần...

## **1.2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc xây dựng chính sách về về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch nhằm đạt được các mục tiêu tổng quan sau đây:

a) Tạo cơ sở pháp lý để việc áp dụng, thi hành các quy định về chi phí tố tụng được đồng bộ, thống nhất;

b) Tạo cơ sở pháp lý cho việc quyết định, thanh toán về lệ phí, chi phí tại Tòa án;

c) Khắc phục những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn giải quyết các vụ án hình sự, dân sự, hành chính liên quan đến áp dụng các quy định về chi phí tố tụng; giải quyết nhanh chóng, hiệu quả các tranh chấp; đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân; góp phần nâng cao hiệu quả của công tác Tòa án.

## II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH

Để đạt được các mục tiêu đề ra, Dự án Pháp lệnh này dự kiến xây dựng hai nhóm chính sách lớn, bao gồm: (i) Về phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh; (ii) Về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp. Mỗi nhóm chính sách bao gồm các nội dung: Xác định vấn đề bất cập; mục tiêu giải quyết vấn đề; các giải pháp đề xuất; đánh giá tác động của giải pháp đề xuất (đánh giá tác động tích cực, tiêu cực đến kinh tế - xã hội, hệ thống pháp luật, thủ tục hành chính và vấn đề bình đẳng giới của từng giải pháp chính sách đối với Nhà nước, người dân, doanh nghiệp, xã hội); kiến nghị lựa chọn giải pháp trên cơ sở phân tích, so sánh, dự báo tác động tích cực, tiêu cực của từng giải pháp.

### 2.1. Chính sách 1: Về phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh

#### 2.1.1. Xác định vấn đề bất cập

Các chi phí tố tụng được quy định tại Mục 2 Chương IX của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Mục 2 Chương XXII của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bao gồm: Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch. Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 chưa điều chỉnh về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ do Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 được ban hành trước khi Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015 được ban hành. Các chi phí này là quy định mới của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Chi phí tố tụng trong tố tụng hình sự được quy định tại Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì chi phí tố tụng bao gồm: “*Chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch, người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa; Chi phí giám định, định giá tài sản; Các khoản chi phí khác theo quy định của pháp luật*”. Khoản 1 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định trách nhiệm chi trả các chi phí tố tụng như sau: “*Chi phí quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật này do các cơ quan, người đã trưng cầu, yêu cầu, chỉ định chi trả; trường hợp Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước cử người bào chữa thì do Trung tâm này chi trả*”. Qua rà soát với Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 chưa điều chỉnh về chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa do Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 được ban hành trước và chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa là quy định mới của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Điều 169 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 370 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 đã giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định cụ thể về các chi phí tố tụng và việc miễn, giảm chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không giao hướng dẫn, quy định chi tiết đối với các chi phí tố tụng trong tố tụng hình sự.

### **2.1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề**

Việc quy định về phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh vừa phải đảm bảo thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Bộ luật Tố tụng hình sự, các Luật liên quan, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật vừa phải bảo đảm giải quyết được những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn phát sinh liên quan đến chi phí tố tụng.

### **2.1.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề**

#### **a) Giải pháp 1**

Loại chi phí được quy định trong Pháp lệnh gồm chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính. Như vậy, phạm vi điều chỉnh bao gồm các chi phí tố tụng đã được quy định trong Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là loại chi phí mới được quy định bổ sung của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

#### **b) Giải pháp 2**

Ngoài các loại chi phí đã nêu trong Giải pháp 1 trên đây, phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh còn bao gồm chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa (theo quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự) và các chi phí tố tụng khác

### **2.1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

#### **a) Đối với Giải pháp 1**

##### **(1) Tác động tích cực:**

- Đảm bảo tính ổn định của văn bản pháp luật, đúng với quy định tại Điều 169 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 370 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Giải quyết được phần lớn những vướng mắc trong thực tiễn thi hành pháp luật về chi phí tố tụng;

- Phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành pháp lệnh để quy định những vấn đề được Quốc hội giao”.

##### **(2) Tác động tiêu cực:**

- Với phạm vi điều chỉnh nêu trên sẽ không quy định được đầy đủ các chi phí tố tụng trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính, tố tụng hình sự (trong đó bao gồm cả chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa) trong một văn bản quy phạm pháp luật nên khó khăn trong việc tra cứu, áp dụng pháp luật.

## *b) Đối với Giải pháp 2*

### (1) Tác động tích cực:

Phạm vi điều chỉnh theo giải pháp 2 đã bao gồm các chi phí tố tụng theo đúng quy định tại Điều 169 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 370 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Việc quy định tất cả các chi phí tố tụng trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tố tụng hành chính tại Pháp lệnh sẽ đảm bảo dễ tra cứu và thuận tiện trong việc áp dụng pháp luật.

### (2) Tác động tiêu cực:

Đối với chi phí cho người dịch thuật, người bào chữa trong trường hợp chỉ định người bào chữa quy định tại khoản 4 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự thì không được giao quy định chi tiết. Do đó, việc quy định về các chi phí này trong Pháp lệnh là chưa phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **2.1.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của từng giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp tối ưu nhất là Giải pháp 1. Theo đó:

Loại chi phí được quy định trong Pháp lệnh gồm chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự và tố tụng hành chính. Như vậy, phạm vi điều chỉnh bao gồm các chi phí tố tụng đã được quy định trong Pháp lệnh số 02/2012/UBTVQH13 và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là loại chi phí mới được quy định bổ sung của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

## **2.2. Chính sách 2: Về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp**

### **2.2.1. Xác định vấn đề bất cập**

Chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp hiện được quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh chi phí giám định, định giá; chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch trong tố tụng và Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg về chế độ bồi dưỡng phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự, cụ thể:

Trong tố tụng hình sự, việc thực hiện chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch không nhiều, thực hiện chi đúng nguyên tắc tài chính kế toán. Tòa án thực hiện chi theo Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg, theo đó, chi phí cho người làm chứng là 50.000đ/người/ngày; người phiên dịch là 70.000đ/người/ngày. Chi phí cho người làm chứng thường được thanh toán luôn tại phiên tòa và chi theo nguồn từ ngân sách nhà nước hàng năm cấp cho Tòa án. So với thu nhập bình quân của người lao động hiện nay thì mức chi cho người làm chứng, người phiên dịch đang thực hiện là thấp, chưa phù hợp với thực tiễn.

Trong tố tụng dân sự, tố tụng hành chính: Đối với những vụ việc mà Tòa án triệu tập người làm chứng, người phiên dịch thì việc chi trả chi phí cho người làm chứng, người phiên dịch được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước theo đúng quy định pháp luật. Một số Tòa án không có trường hợp nào thực hiện việc chi trả do người làm chứng không yêu cầu.

Mức chi cho người làm chứng được áp dụng theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg, cụ thể mức chi cho người làm chứng được Tòa án triệu tập là 50.000đ/ngày, mức chi này quá thấp so với thực tế hiện nay.

Về chi phí cho người phiên dịch, có Tòa án căn cứ theo hợp đồng phiên dịch để thanh toán; có Tòa án không chỉ định người phiên dịch và không thực hiện thu, chi phí về việc này, trường hợp vụ án cần triệu tập người phiên dịch thì đều do đương sự liên hệ, được Tòa án chấp nhận và thanh toán trên cơ sở thỏa thuận giữa hai bên.

Ngoài ra, một số Luật của Quốc hội và Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành sau đã có những nội dung sửa đổi, bổ sung về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm tham gia phiên họp của các chủ thể liên quan, như Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính năm 2015, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án... Do đó, các quy định về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp quy định tại Nghị định số 81/2014/NĐ-CP và Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg cần được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với các luật và pháp lệnh này.

### ***2.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***

Quy định rõ chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp để bảo đảm cụ thể, rõ ràng, phù hợp thực tiễn và áp dụng được ngay và hạn chế phải giao quy định chi tiết trong các văn bản Nghị định, Thông tư, Quyết định.

### ***2.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề***

#### ***a) Giải pháp 1***

Quy định rõ đối tượng được bồi dưỡng (Thẩm phán; Hội thẩm; Kiểm sát viên; Thư ký Tòa án; cán bộ, chiến sỹ công an, cảnh vệ bảo vệ phiên tòa, phiên họp công an dẫn giải bị can, bị cáo và dẫn giải người làm chứng; người giám định, người phiên dịch được Tòa án mời; người làm chứng được Tòa án triệu tập khi tham gia phiên tòa, phiên họp), chế độ bồi dưỡng tham gia phiên tòa, phiên họp (tăng hơn so với mức quy định hiện hành và không chỉ phiên họp giải quyết việc dân sự như quy định tại Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg mà còn bổ sung các phiên họp mà theo quy định pháp luật những đối tượng trên có trách nhiệm, nghĩa vụ phải tham gia gồm: (1) Phiên họp giải quyết việc hành chính, kinh doanh thương mại, lao động; (2) Phiên họp xét kháng cáo quá hạn, kháng nghị phúc thẩm; (3) Phiên họp xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án (4) Phiên họp xét miễn, giảm thời gian thử thách án treo, cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện; (5) Phiên họp xét miễn giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự đối với các khoản thu nộp ngân sách nhà nước; (6) Phiên họp áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại Tòa án - xét đưa người có

hành vi vi phạm hành chính vào trường giáo dưỡng, vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, vào cơ sở giáo dục bắt buộc.

*b) Giải pháp 2*

Quy định đối tượng được bồi dưỡng như đối với Giải pháp 1. Tuy nhiên, chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp được tính căn cứ vào mức tăng lương tối thiểu, biến động giá cả và tương xứng với trách nhiệm, cường độ làm việc của từng chức danh tham gia phiên tòa, phiên họp, đồng thời phù hợp với các quy định của pháp luật về tham gia phiên tòa, phiên họp của các chủ thể có liên quan tại từng thời kỳ.

**2.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan**

*a) Đối với Giải pháp 1*

(1) Tác động tích cực:

Áp dụng mức chế độ ổn định, cố định mà không phải xây dựng thêm cơ chế, thủ tục mới.

(2) Tác động tiêu cực:

Không phù hợp với thực tiễn cuộc sống khi có sự tăng, giảm lương tối thiểu, biến động giá cả dẫn đến không bảo đảm quyền lợi của người tham gia phiên họp, phiên tòa.

*b) Đối với Giải pháp 2*

(1) Tác động tích cực:

Bảo đảm tương xứng với mức tăng lương tối thiểu, biến động giá cả và tương xứng với trách nhiệm, cường độ làm việc của từng chức danh tham gia phiên tòa, phiên họp tại từng thời điểm, phù hợp với thực tiễn.

(2) Tác động tiêu cực:

Phát sinh thủ tục cập nhật mức chế độ theo từng thời kỳ theo mức lương tối thiểu và biến động giá cả thị trường.

**2.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn**

Trên cơ sở phân tích, so sánh tác động của từng giải pháp, cơ quan soạn thảo đề xuất lựa chọn giải pháp tối ưu nhất là Giải pháp 1. Theo đó:

Quy định rõ và đầy đủ các đối tượng được hưởng chế độ bồi dưỡng. Mức bồi dưỡng tham gia phiên tòa, phiên họp được xác định là mức cố định theo phương phức tính của quy định hiện hành, trong đó điều chỉnh tăng hơn so với mức quy định hiện hành để đảm bảo phù hợp với sự biến động giá cả thị trường hiện nay.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự án Pháp lệnh về chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí giám định, định giá tài sản, chi phí cho người làm chứng, người



phiên dịch, Tòa án nhân dân tối cao xin kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

***Nơi nhận:***

- Như kính trình;
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Ủy ban tư pháp Quốc hội;
- Ủy ban pháp luật Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo CCTPTW;
- Ban Nội chính TW;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Lưu: VT (TANDTC, Vụ PC&QLKH).

**CHÁNH ÁN**

**Nguyễn Hòa Bình**